

PHỤ LỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN

(Đính kèm Hợp đồng cấp tín dụng khung số:)

PHẦN A: QUY ĐỊNH CHUNG.

1. ĐIỀU CHỈNH HMTD, TẠM NGỪNG CẤP TÍN DỤNG/ KHÔNG CẤP TÍN DỤNG, THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN.

VIETBANK được toàn quyền quyết định (nhưng không có nghĩa vụ) điều chỉnh HMTD, tạm ngưng cấp tín dụng/ không cấp tín dụng và/hoặc thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau đây:

- 1.1. Bên được cấp tín dụng sử dụng vốn sai mục đích;
- 1.2. Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin sai sự thật hoặc không đầy đủ liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh, tài chính và các vấn đề liên quan đến việc vay vốn của Bên được cấp tín dụng;
- 1.3. Bên được cấp tín dụng đang có số dư nợ cấp tín dụng tại VIETBANK và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác đã được điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, cơ cấu nợ hoặc nợ quá hạn;
- 1.4. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các tranh chấp mà theo nhận định của VIETBANK là có ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm;
- 1.5. Tài sản bảo đảm có nguy cơ bị giảm giá trị hoặc phát sinh những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, không quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của VIETBANK;
- 1.6. Khi phát sinh sự kiện bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm;
- 1.7. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm các Hợp đồng Tín Dụng, Thỏa thuận Tín dụng, Hợp đồng bảo đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác với VIETBANK cho dù có liên quan hay không có liên quan đến Hợp đồng này;
- 1.8. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là cá nhân chết, mất tích và/hoặc vắng mặt tại nơi cư trú mà VIETBANK không liên hệ được; hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc theo nhận định của VIETBANK; mắc bệnh mà không tự mình thực hiện được các hành vi, giao dịch với VIETBANK khi VIETBANK tiếp xúc và yêu cầu hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng; VIETBANK nhận được thông tin Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các tranh chấp dân sự có khả năng ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm hoặc vi phạm pháp luật hành chính, hình sự,...
- 1.9. Người quản lý, người điều hành của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là tổ chức bị khởi tố, truy tố, tạm giữ, tạm giam, xét xử về hình sự.
- 1.10. Bên được cấp tín dụng là doanh nghiệp có thay đổi về thành viên góp vốn/chủ sở hữu mà thành viên góp vốn/chủ sở hữu mới đó không được VIETBANK chấp nhận, trừ trường hợp Bên được cấp tín dụng là công ty đại chúng;
- 1.11. Trường hợp loại tiền cấp tín dụng khác với loại tiền xác định giá trị của tài sản bảo đảm, khi có sự thay đổi tỷ giá (theo xác định của VIETBANK) làm cho tỷ lệ số dư nợ cấp tín dụng (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) trên giá trị tài sản bảo đảm cao hơn mức tỷ lệ theo quy định của VIETBANK, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 1.12. Việc cấp tín dụng/tiếp tục cấp tín dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình nguồn vốn của VIETBANK. Trong trường hợp này VIETBANK không có nghĩa vụ phải cung cấp chứng từ chứng minh cho Bên được cấp tín dụng;
- 1.13. Bên được cấp tín dụng tiến hành tổ chức lại doanh nghiệp (bao gồm các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp

nhập, chuyển đổi) mà chưa được sự đồng ý của VIETBANK; hoặc Bên được cấp tín dụng đang tiến hành thủ tục giải thể, phá sản, ngừng hoạt động, cổ phần hoá hoặc chuyển đổi chủ sở hữu hoặc phần lớn tài sản bị kê biên, phong toả hoặc dùng phần lớn tài sản để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần,...

- 1.14. Tình hình sản xuất, kinh doanh, tài chính của Bên được cấp tín dụng có diễn biến xấu hoặc lâm vào các trường hợp khác mà theo nhận định của VIETBANK làm ảnh hưởng không tốt đến khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng;
- 1.15. Các trường hợp khác mà theo nhận định của Vietbank là ảnh hưởng không tốt đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và/hoặc khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng;
- 1.16. Hoạt động của Bên được cấp tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và xã hội (theo nhận định của Vietbank) và/hoặc khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng đối với khoản vay.
- 1.17. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo thoả thuận của các bên tại Hợp đồng này và/hoặc Thỏa Thuận Tín Dụng.

Khi phát sinh trường hợp VIETBANK phải tạm ngưng cấp tín dụng/không cấp tín dụng và/hoặc thu hồi nợ trước hạn nêu trên, các khoản cấp tín dụng hiện tại của Bên được cấp tín dụng bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan dù chưa đến hạn thanh toán cũng sẽ được VIETBANK xem như đến hạn và Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm phải thanh toán ngay cho VIETBANK nếu VIETBANK có yêu cầu.

2. THU NỢ, CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

- 2.1. Khi đến ngày đáo hạn hoặc đến kỳ hạn trả nợ (kể cả trong trường hợp Vietbank thu hồi nợ trước hạn), nếu Bên được cấp tín dụng không trả nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) đầy đủ và kịp thời, Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng Vietbank được toàn quyền chủ động trích tài khoản tiền gửi của Bên được cấp tín dụng mở tại Vietbank và/hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác nơi Bên được cấp tín dụng có tiền gửi tự động trích tiền từ tài khoản của Bên được cấp tín dụng thanh toán cho Vietbank (nếu có) để thu nợ mà không cần xác nhận của Bên được cấp tín dụng.
- 2.2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn thì Vietbank được quyền chuyển nợ quá hạn theo quy định của pháp luật và Vietbank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn. Khi đó, Vietbank sẽ thông báo đến Bên được cấp tín dụng thông qua các hình thức đã thỏa thuận với những nội dung tối thiểu sau: số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn. Đồng thời Vietbank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ vay.
- 2.3. Bằng văn bản này (áp dụng đối với trường hợp loại tiền cho vay không phải là VND), Bên được cấp tín dụng đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang khi bị nợ quá hạn (khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn) Vietbank được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) sang VND với thời điểm, tỷ giá, lãi suất, chi phí chuyển đổi và các vấn đề khác liên quan đến việc chuyển đổi do Vietbank quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2.4. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ sẽ do Vietbank quyết định theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietbank.
- 2.5. Sau khi nhận được thông báo thu hồi nợ trước hạn của Vietbank mà Bên được cấp tín dụng không thanh toán đầy đủ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và phí có liên quan), Vietbank được quyền áp dụng, thực hiện mọi biện pháp xử lý, thu hồi nợ theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và theo quy định pháp luật để thu hồi nợ vay.

3. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

- 3.1. Ngoài tài sản bảo đảm (TSBĐ) nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này, Bên được cấp tín dụng đồng ý không huỷ ngang và vô điều kiện dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng đối với VIETBANK theo quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ (bao gồm trả nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan) cho VIETBANK, VIETBANK có quyền chỉ định xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Bên được cấp tín dụng để đảm bảo cho việc thu hồi toàn bộ số nợ còn thiếu.
- 3.2. Trường hợp nghĩa vụ trả nợ (bao gồm trả nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan) của Bên được cấp tín dụng đối với VIETBANK được bảo đảm bằng tài sản của nhiều tổ chức, cá nhân, những tổ chức, cá nhân này phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ đó.
- 3.3. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm đồng ý rằng sẽ thực hiện việc công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VIETBANK và là một trong những điều kiện để VIETBANK thực hiện việc giải ngân.
- 3.4. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm sau khi mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VIETBANK phải có nghĩa vụ cung cấp các văn bản xác nhận của công ty bảo hiểm về việc đồng ý để VIETBANK là người thụ hưởng đầu tiên và duy nhất, đồng thời công ty bảo hiểm phải thanh toán ngay khi VIETBANK có yêu cầu trong trường hợp phát sinh sự kiện bảo hiểm.
- 3.5. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng VIETBANK có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) thực hiện việc tái định giá tài sản bảo đảm tại các thời điểm cần thiết theo quyết định của VIETBANK nếu VIETBANK nhận định tài sản bảo đảm có khả năng bị thay đổi giá trị. Trường hợp giá trị của tài sản bảo đảm bị giảm sau khi tái định giá, Bên được cấp tín dụng đồng ý bổ sung thêm tài sản và/hoặc Bên được cấp tín dụng sẽ giảm dư nợ để đảm bảo không vượt quá tỷ lệ số tiền cấp tín dụng tính trên giá trị tài sản bảo đảm được định giá theo kết quả định giá gần nhất hoặc một tỷ lệ khác được VIETBANK chấp nhận.
- 3.6. Trường hợp nhiều nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng được bảo đảm bằng nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nếu có một nghĩa vụ đến hạn mà Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì các nghĩa vụ khác chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và VIETBANK có quyền thu nợ đối với tất cả các nghĩa vụ. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng VIETBANK được quyền xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào để thu hồi nợ cho bất kỳ nghĩa vụ nào.
- 3.7. Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì tất cả các tài sản bảo đảm phải bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng cho VIETBANK. Nếu Bên được cấp tín dụng có đề nghị hoán đổi, rút một phần tài sản sau khi hoàn thành một phần nghĩa vụ trả nợ tương ứng thì tài sản được hoán đổi, được rút sẽ do VIETBANK quyết định.
- 3.8. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm và/hoặc nhiều tài sản bảo đảm thì VIETBANK có quyền lựa chọn một trong các biện pháp bảo đảm và/hoặc một trong các tài sản bảo đảm đó để xử lý trước tiên nhằm thu hồi nợ. Thứ tự ưu tiên thực hiện các biện pháp bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ do VIETBANK quyết định.
- 3.9. Trường hợp Bên được cấp tín dụng thực hiện biện pháp bảo đảm khác với tài sản bảo đảm khác trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này thì tài sản bảo đảm đó cũng được bảo đảm cho nghĩa vụ tại Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng và các phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, (nếu có), trừ trường hợp các Bên có thoả thuận khác.

3.10. Trường hợp hợp đồng bảo đảm dùng để bảo đảm cho (các) khoản cấp tín dụng nêu tại Điều 1 Hợp đồng này được ký lại, công chứng lại, sửa đổi, bổ sung thì các Bên không bắt buộc phải ký lại Phụ lục Hợp đồng này. Hợp đồng bảo đảm mới đương nhiên tiếp tục bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng này.

3.11. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các biện pháp bảo đảm khác. Việc giảm trừ/ thay đổi biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm của một hoặc một số Bên bảo đảm (bao gồm Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm) không miễn trừ và/hoặc giảm nghĩa vụ bảo đảm của các Bên bảo đảm còn lại.

4. QUY ĐỊNH VỀ TỶ GIÁ.

4.1. Việc cấp tín dụng bằng ngoại tệ hoặc vàng sẽ tùy thuộc vào quyết định của VIETBANK và phải tuân thủ những quy định pháp luật có liên quan.

4.2. Khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi), Bên được cấp tín dụng phải trả nợ cùng loại tiền với loại tiền được VIETBANK cấp tín dụng tương ứng (VND, vàng, ngoại tệ).

4.3. Việc áp dụng tỷ giá ngoại tệ, giá mua bán vàng quy đổi để xác định tỷ lệ giữa số tiền cấp tín dụng và giá trị tài sản bảo đảm do VIETBANK quyết định.

4.4. Bằng văn bản này (áp dụng đối với trường hợp loại tiền cho vay không phải là VND), Bên được cấp tín dụng đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang khi bị nợ quá hạn (khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn) VIETBANK được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) sang VND với thời điểm, tỷ giá, lãi suất, chi phí chuyển đổi và các vấn đề khác liên quan đến việc chuyển đổi do VIETBANK quyết định.

5. CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG.

5.1. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng VIETBANK được quyền bán toàn bộ số nợ của Bên được cấp tín dụng và/hoặc chuyển giao quyền đòi nợ và/hoặc chuyển giao một hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng cho các cá nhân và/hoặc tổ chức được phép mua nợ sau khi có thông báo bằng văn bản cho Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm mà không cần bất cứ sự đồng ý nào của Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm hoặc các bên có liên quan.

5.2. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm không được thực hiện việc chuyển nhượng Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào.

6. PHÍ VÀ CHI PHÍ LIÊN QUAN.

6.1. Bên được cấp tín dụng đồng ý chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản phí liên quan đến khoản cấp tín dụng theo quy định của VIETBANK trong từng thời kỳ và các chi phí phát sinh liên quan (kể cả chi phí luật sư) trong việc thẩm định, kiểm định, định giá, tái định giá tài sản bảo đảm; đăng ký giao dịch bảo đảm; công chứng, chứng thực; lưu kho; bảo hiểm; tổ tụng; xử lý tài sản bảo đảm.

6.2. Không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ bồi thường đã cam kết, Bên được cấp tín dụng sẽ bồi thường cho Vietbank bất kỳ thiệt hại hay chi phí (bao gồm chi phí luật sư) mà Vietbank phải gánh chịu do Bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này.

7. THÔNG BÁO.

7.1. Tất cả các thông báo, tài liệu giao dịch của các bên và cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện, giải quyết tranh chấp Hợp đồng này được các bên gửi theo địa chỉ nêu trong Hợp đồng này (hoặc theo địa chỉ khác được thông báo bằng văn bản của các bên).

- 7.2. Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm cam kết nơi cư trú nêu tại Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng là nơi cư trú hợp pháp hiện nay của Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm. Đây là địa chỉ VIETBANK gửi tất cả các văn bản, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình với VIETBANK. Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm phải thông báo cho VIETBANK, cơ quan địa phương về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú hoặc nơi cư trú mới. Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm đồng ý hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin địa chỉ không đúng, không đủ, không kịp thời.
- 7.3. Trường hợp Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú mới theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới, Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm được xem là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại Hợp đồng này (hoặc địa chỉ nêu tại văn bản Thông báo mà VIETBANK nhận được sau cùng) là nơi cư trú cuối cùng của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm và VIETBANK có quyền yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm chấp nhận việc Toà án xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên được cấp tín dụng.
- 7.4. Việc gửi văn bản, tài liệu giao dịch được thực hiện thông qua: điện tín, điện báo, bưu điện hoặc gửi trực tiếp. Mọi thông báo, tài liệu giao dịch được coi là đã nhận sau khi được gửi đi bằng điện tín, điện báo có xác nhận của bưu điện nơi gửi, nếu gửi trực tiếp được coi là đã nhận sau khi có xác nhận của nhân sự các bên, người thân (cùng nơi cư trú) hoặc nhân viên của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm.
- 7.5. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng VIETBANK có quyền gửi thông báo cho Bên được cấp tín dụng và/hoặc người điều hành của Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm (trường hợp Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm là tổ chức) thông qua một hoặc các phương thức: nhắn tin, gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định, gửi mail hoặc phương thức khác phù hợp quy định của pháp luật.
- 7.6. Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm đồng ý rằng khi tiến hành tổ chức lại doanh nghiệp (bao gồm các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) kể cả việc thay đổi các nội dung hoạt động ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bên được cấp tín dụng phải thông báo cho Vietbank trong thời hạn 15 ngày làm việc (theo ngày làm việc của Vietbank) trước ngày có phát sinh thay đổi và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cho Vietbank nếu Vietbank yêu cầu.

8. THỎA THUẬN KHÁC.

- 8.1. Trường hợp ngày thực hiện nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc và lãi) của một kỳ hạn trả nợ mà tháng cuối cùng của kỳ hạn đó không có ngày tương ứng thì ngày trả nợ là ngày cuối cùng của tháng đó. Nếu ngày thực hiện nghĩa vụ là ngày nghỉ, ngày lễ mà VIETBANK không làm việc thì ngày thực hiện nghĩa vụ là ngày làm việc tiếp theo của VIETBANK.
- 8.2. Trường hợp Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm, Thỏa Thuận Tín Dụng hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác với VIETBANK cho dù có liên quan hay không có liên quan đến Hợp đồng này thì VIETBANK có quyền thông báo công khai về việc vi phạm nghĩa vụ đó.
- 8.3. Trường hợp Bên được cấp tín dụng được cấp thẻ tín dụng (trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này) thì số dư nợ của thẻ tín dụng phát sinh tại bất kỳ thời điểm nào cũng thuộc HMTD nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Khi đó,

những nội dung quy định trong Hợp đồng này sẽ được áp dụng để thu hồi nợ thẻ tín dụng của Bên được cấp tín dụng.

- 8.4. Bằng văn bản này, Bên được cấp tín dụng đồng ý cho VIETBANK được quyền xử lý tài sản của Bên được cấp tín dụng (bao gồm cả tài sản thuộc sở hữu chung với tổ chức, cá nhân khác) để thu hồi nợ mà không phụ thuộc vào việc tài sản đó do ai chiếm hữu, quản lý và/hoặc kế thừa, thừa kế.
- 8.5. Vào bất kỳ thời điểm nào, VIETBANK có quyền khởi kiện Bên được cấp tín dụng khi Bên được cấp tín dụng không trả được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) và/hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ cam kết nào liên quan đến Hợp đồng này.
- 8.6. Bên được cấp tín dụng phải cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc cấp tín dụng theo từng hình thức cấp tín dụng, việc sử dụng vốn, nguồn thu nhập để trả nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh trong trường hợp Bên được cấp tín dụng có hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của VIETBANK và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đó.
- 8.7. Bên được cấp tín dụng đồng ý không chia lợi nhuận/cổ tức cho các thành viên góp vốn/cổ đông hoặc sử dụng lợi nhuận (nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) nếu Bên được cấp tín dụng đang có nợ quá hạn tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào, trừ trường hợp được Vietbank chấp thuận.
- 8.8. Bằng Hợp đồng này, Bên được cấp tín dụng, Bên bảo đảm đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho Vietbank được toàn quyền sử dụng và quyết định việc cung cấp những thông tin của khoản vay, tài sản bảo đảm và/hoặc của Bên được cấp tín dụng mà Vietbank có được cho: (i) bất kỳ người nào theo yêu cầu của luật pháp và qui định hiện hành hoặc theo lệnh của bất kỳ tòa án, và/hoặc (ii) hội sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch hoặc công ty con, công ty liên kết của Vietbank, và/hoặc (iii) các cơ quan chức năng hoặc cơ quan pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam hoặc bất kể quốc gia nào mà Vietbank có hội sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc công ty con hoạt động kinh doanh, và/hoặc (iv) cổ đông lớn, người sở hữu tiềm năng đối với tài sản và trách nhiệm của Vietbank, ứng cử viên liên kết tiềm năng của Vietbank hoặc tương tự và/hoặc (v) cơ quan xếp hạng hoặc đánh giá và/hoặc (vi) đại lý hoặc nhà môi giới mà Vietbank có thể chỉ định hoặc chỉ thị hoặc thay mặt cho Bên được cấp tín dụng và đối với bất kỳ sàn giao dịch chứng khoán, thị trường, trung tâm lưu ký/bù trừ hoặc bên nhận ký gửi để thực hiện các nghĩa vụ của họ và/hoặc (vii) đối với bất kỳ đại lý, nhà thầu hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ hành chính, viễn thông, máy tính, thanh toán hoặc cơ quan giải trừ nghĩa vụ bảo đảm hoặc các dịch vụ khác đối với Vietbank liên quan đến hoạt động kinh doanh của Vietbank và/hoặc (viii) cổ vấn hoặc các đối tượng cung cấp dịch vụ cho Vietbank và/hoặc (ix) cho tổ chức, cá nhân mà Vietbank có dự định, nhu cầu (hoặc đang) hợp tác, đối tác của Vietbank và/hoặc (x) tổ chức, cá nhân có dự định (hoặc đã) mua, nhận chuyển nhượng khoản cấp tín dụng, tài sản bảo đảm và/hoặc (xi) cho những đối tượng có liên quan mà Vietbank có thể xem xét cần thiết cho bất kể mục đích nào.
- 8.9. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng VIETBANK được quyền kiểm tra tình hình sử dụng vốn của Bên được cấp tín dụng trong và sau khi cấp tín dụng. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan đến khoản cấp tín dụng để VIETBANK thực hiện thẩm định và quyết định cấp tín dụng, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn và trả nợ của Bên được cấp tín dụng theo quy định hiện hành của VIETBANK và Bên được cấp tín dụng tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đó.
- 8.10. Trường hợp Bên được cấp tín dụng có nhiều tổ chức, cá nhân thì VIETBANK có quyền yêu cầu một, một số hoặc toàn bộ những tổ chức, cá nhân này thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với VIETBANK trong Thỏa Thuận Tín Dụng.

- 8.11. Bên được cấp tín dụng cam kết sử dụng vốn đảm bảo tuân thủ theo các quy định về môi trường và xã hội của pháp luật và của VIETBANK.
- 8.12. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thông báo cho Bên bảo đảm về việc ký kết Hợp đồng, nhận nợ, phát hành Thư bảo lãnh, L/C,... và các thông tin liên quan, VIETBANK không có nghĩa vụ thông báo cho Bên bảo đảm các thông tin này. Tuy nhiên, Bên bảo đảm có quyền liên hệ VIETBANK hoặc Bên được cấp tín dụng để được cung cấp thông tin về nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại VIETBANK.
- 8.13. Các bên đồng ý rằng: "**quy định pháp luật**" được hiểu là các quy định được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các văn bản khác mà VIETBANK tuân thủ thực hiện.
- 8.14. Các bên hiểu rằng "Bên bảo đảm" được quy định trong Hợp đồng này là tổ chức, cá nhân bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng tại VIETBANK (bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp thế chấp, cầm cố, bảo lãnh,...).
- 8.15. Việc Vietbank chậm trễ hoặc không thực hiện bất kỳ quyền nào theo hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng tới quyền đó và cũng không được xem là Vietbank từ bỏ quyền. Tại bất kỳ thời điểm nào, Vietbank cũng có thể thực hiện quyền của mình. Việc chậm trễ hoặc không thực hiện một quyền không ảnh hưởng đến các quyền khác của Vietbank.
- 8.16. Những nội dung không được thỏa thuận tại Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

PHẦN B: QUY ĐỊNH CHI TIẾT.

1. CHO VAY.

- 1.1. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn vay và đề nghị của Bên được cấp tín dụng, VIETBANK quyết định cho Bên được cấp tín dụng vay theo một hoặc nhiều thời hạn vay và phương thức trả nợ khác nhau.
- 1.2. Mỗi lần nhận tiền vay, Bên được cấp tín dụng phải ký kết Giấy nhận nợ theo mẫu của VIETBANK (hoặc văn bản tương tự theo mẫu của VIETBANK), đồng thời cung cấp cho VIETBANK các tài liệu cần thiết cho mỗi lần nhận nợ theo yêu cầu của VIETBANK.
- 1.3. Trường hợp Bên được cấp tín dụng có nhiều pháp nhân và/hoặc cá nhân, thì Bên được cấp tín dụng phải thỏa thuận/chỉ định một hoặc một số người này nhận tiền vay, trường hợp không có thỏa thuận/chỉ định, tất cả đều cùng thực hiện việc nhận tiền vay.
- 1.4. Trong trường hợp VIETBANK thực hiện giải ngân khoản vay bằng chuyển khoản vào một tài khoản theo thỏa thuận hoặc theo chỉ định của Bên được cấp tín dụng, ngày VIETBANK thực hiện việc chuyển số tiền vay vào tài khoản là ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm nhận nợ số nợ gốc theo đúng thỏa thuận tại Thỏa Thuận Tín Dụng về cho vay.
- 1.5. Trường hợp vay thấu chi thì Bên được cấp tín dụng sẽ ký kết Hợp đồng vay thấu chi (hoặc văn bản tương tự theo mẫu của VIETBANK) có căn cứ phát sinh từ Hợp đồng này để quy định chi tiết về việc vay thấu chi. Khi đó, những nội dung không được quy định trong Hợp đồng vay thấu chi sẽ được áp dụng theo quy định tại Hợp đồng này.

2. BẢO LÃNH.

2.1. Điều kiện thực hiện bảo lãnh.

- a. Khi có nhu cầu bảo lãnh, Bên được cấp tín dụng gửi cho VIETBANK Giấy đề nghị bảo lãnh (hoặc văn bản tương tự theo mẫu của VIETBANK), văn bản này là một phần và cùng với Hợp đồng này tạo nên một thỏa thuận cấp bảo lãnh giữa Bên được cấp tín dụng và VIETBANK. Đồng thời, Bên được cấp tín dụng cung cấp cho VIETBANK các

tài liệu cần thiết cho mỗi lần đề nghị bảo lãnh theo yêu cầu của VIETBANK.

- b. VIETBANK chỉ phát hành thư bảo lãnh cho Bên được cấp tín dụng, khi Bên được cấp tín dụng đã hoàn tất đầy đủ thủ tục (bao gồm thủ tục về các biện pháp bảo đảm) cho nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định VIETBANK tại thời điểm phát hành. Việc phát hành thư bảo lãnh của VIETBANK theo đề nghị bảo lãnh của Bên được cấp tín dụng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa các bên.
- c. Khi phát hành bảo lãnh, việc phát hành bảo lãnh được tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là quy định của Bộ Luật dân sự 2015; Thông tư 07/2015/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng,... và các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết, sửa đổi, bổ sung, thay thế của các văn bản này trong từng thời kỳ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Thời hạn bảo lãnh.

Trừ trường hợp Thỏa Thuận Tín Dụng có quy định khác, nghĩa vụ của VIETBANK theo Thư bảo lãnh sẽ chấm dứt khi:

- a. Hết thời hạn cam kết bảo lãnh; hoặc
- b. Bên nhận bảo lãnh, Bên thụ hưởng có văn bản đồng ý hủy bỏ bảo lãnh; hoặc
- c. Bên nhận bảo lãnh, Bên thụ hưởng miễn toàn bộ việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho VIETBANK bằng văn bản.
- d. Nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng chấm dứt.
- e. Vietbank đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết bảo lãnh.
- f. Theo thỏa thuận của các bên.
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

- a. VIETBANK chỉ thực hiện nghĩa vụ theo các điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nêu tại Thư bảo lãnh (hoặc Thỏa Thuận Tín Dụng tương tự khác về bảo lãnh).
- b. Ngay khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, VIETBANK có quyền thực hiện hạch toán ghi nợ cho Bên được cấp tín dụng số tiền đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Bên được cấp tín dụng phải nhận nợ (đương nhiên nhận nợ/nhận nợ bắt buộc) và hoàn trả cho VIETBANK số tiền VIETBANK đã trả thay bao gồm gốc, lãi và các khoản chi phí phát sinh liên quan việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng phí bảo lãnh, lãi suất đối với số tiền nhận nợ do Vietbank quyết định và thông báo cho Bên được cấp tín dụng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.
- c. VIETBANK có toàn quyền trích mọi tài khoản của Bên được cấp tín dụng có tại VIETBANK và/hoặc yêu cầu Tổ chức khác trích mọi tài khoản của Bên được cấp tín dụng để thu hồi khoản trả thay (bao gồm trả vốn gốc, lãi, lãi phạt và các chi phí liên quan) mà không cần phải có xác nhận của Bên được cấp tín dụng.
Việc xử lý theo điểm này không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm của Vietbank theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và/hoặc (các) Hợp đồng bảo đảm có liên quan.
- d. Bên được cấp tín dụng đồng ý chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày VIETBANK thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trong trường hợp chậm trả lãi, Bên được cấp tín dụng chịu lãi suất tính trên số lãi chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- e. Ngay sau khi VIETBANK thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, VIETBANK tiến hành chuyển nợ quá hạn, phân loại nợ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VIETBANK.
- f. Quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

3. BAO THANH TOÁN.

3.1. Mở và sử dụng tài khoản

- a. Bên được cấp tín dụng mở một tài khoản để nhận tiền thanh toán khoản phải thu từ các bên mua hàng theo quy định của VIETBANK. Bên được cấp tín dụng không được giao dịch rút tiền mặt hoặc chuyển khoản trên tài khoản này.
- b. Trường hợp Bên mua hàng thanh toán khoản phải thu cho Bên được cấp tín dụng theo đúng tài khoản do VIETBANK chỉ định, VIETBANK được quyền chủ động trích tiền từ tài khoản này để thu hồi số tiền ứng trước, lãi và phí (nếu có) và hoàn trả phần còn lại (nếu có) cho Bên được cấp tín dụng.

3.2. Các khoản phải thu được bao thanh toán

Các khoản phải thu được bao thanh toán phải phát sinh từ việc mua bán hàng hóa theo Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Bên được cấp tín dụng và các bên mua hàng được VIETBANK chấp nhận. Các khoản phải thu được bao thanh toán phải thoả mãn các điều kiện sau:

- Có thời hạn thanh toán được VIETBANK chấp nhận tại thời điểm Bên được cấp tín dụng đề nghị bao thanh toán.
- Không thuộc các trường hợp không được bao thanh toán theo quy định bao thanh toán của VIETBANK hoặc quy định pháp luật.
- Hợp đồng mua bán hàng hoá phải có quy định việc được chuyển nhượng khoản phải thu hoặc không có quy định về việc không được/hạn chế chuyển nhượng khoản phải thu.

3.3. Ứng trước.

Mỗi lần bao thanh toán, Bên được cấp tín dụng phải lập và gửi cho VIETBANK Giấy ứng trước bao thanh toán (hoặc Thỏa Thuận Tín Dụng tương tự về bao thanh toán theo mẫu của VIETBANK) kèm theo các chứng từ, tài liệu liên quan đến khoản phải thu được bao thanh toán theo yêu cầu của VIETBANK. Theo đó, số tiền ứng trước, thời gian ứng trước, lãi suất và thông tin khoản phải thu được bao thanh toán được xác định theo từng Giấy ứng trước bao thanh toán.

3.4. Thu nợ, gia hạn thanh toán.

- a. Trường hợp Bên mua hàng không thanh toán khoản ứng trước đúng hạn và đầy đủ cho VIETBANK, để được VIETBANK xem xét gia hạn thanh toán, Bên được cấp tín dụng và Bên mua hàng phải gửi Giấy đề nghị gia hạn thanh toán trước ngày đến hạn thanh toán ít nhất 05 ngày làm việc. Việc gia hạn thanh toán chỉ được VIETBANK xem xét khi:
 - i. Bên được cấp tín dụng phải chịu mức phí gia hạn thanh toán theo biểu phí của VIETBANK; và
 - ii. Lãi suất bao thanh toán áp dụng cho thời gian gia hạn thanh toán sẽ được các bên thỏa thuận lại.
 - iii. Bên Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên mua hàng có khả năng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ sau thời gian gia hạn.
- b. VIETBANK có quyền đòi nợ đối với Bên mua hàng theo giá trị khoản phải thu được bao thanh toán quy định tại Hợp đồng mua bán hàng hoá.
- c. Trường hợp Bên mua hàng thanh toán cho Bên được cấp tín dụng không đúng theo tài khoản do VIETBANK chỉ định mà thanh toán qua tài khoản khác của Bên được cấp tín dụng mở tại VIETBANK, VIETBANK có quyền tự động trích tiền từ tài khoản đó của Bên được cấp tín dụng để thu hồi số tiền ứng trước, lãi và các chi phí phát sinh;
- d. VIETBANK được toàn quyền trích tài khoản tiền gửi của Bên được cấp tín dụng hoặc nhờ thu không cần chấp nhận

của Bên được cấp tín dụng (nếu Bên được cấp tín dụng có tài khoản ở tổ chức khác) trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Bên mua hàng không thanh toán được hoặc thanh toán không đủ giá trị khoản phải thu được bao thanh toán;

- e. Bên được cấp tín dụng phải hoàn trả cho VIETBANK số tiền ứng trước, lãi và các chi phí phát sinh (nếu có) ngay khi có thông báo của VIETBANK về việc Bên mua hàng không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản phải thu. Trường hợp Bên được cấp tín dụng hoàn trả không đúng hoặc không đầy đủ thì VIETBANK có quyền áp dụng mọi biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và phù hợp quy định pháp luật để thu hồi số tiền ứng trước, lãi và các chi phí phát sinh (nếu có).

3.5. Phương thức chuyển giao hợp đồng mua bán, khoản phải thu được bao thanh toán

- a. VIETBANK có quyền và Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ và đúng hạn cho VIETBANK hồ sơ gốc Hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ bán hàng, quyền, lợi ích và các giấy tờ liên quan đến khoản phải thu được bao thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng.
- b. Bên được cấp tín dụng phải cùng VIETBANK thông báo cho Bên mua hàng, các bên có liên quan về các khoản Bao thanh toán này. Nếu VIETBANK có yêu cầu thì Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm giao cho Bên mua hàng Thông báo về việc thực hiện bao thanh toán, nhận và giao lại cho VIETBANK sau khi Bên mua hàng đã có xác nhận và cam kết thực hiện thanh toán khoản phải thu trực tiếp cho VIETBANK. (Văn bản này phải do người đại diện hợp pháp của Bên mua hàng ký tên, đóng dấu).
- c. Trên cơ sở chuyển giao của Bên được cấp tín dụng, VIETBANK có quyền đòi nợ đối với Bên mua hàng theo số tiền ứng trước và được hưởng các quyền lợi và lợi ích khác mà Bên được cấp tín dụng được hưởng theo quy định tại Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- d. VIETBANK được chuyển quyền đòi nợ khoản phải thu được bao thanh toán cho bất kỳ bên nào khác mà không cần sự chấp thuận của Bên được cấp tín dụng, Bên mua hàng và các bên có liên quan (nếu có).

3.6. Truy đòi số tiền đã ứng trước

- a. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, VIETBANK có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) chấm dứt việc bao thanh toán, thực hiện truy đòi Bên được cấp tín dụng số tiền đã ứng trước, lãi, và các chi phí phát sinh khi:
 - Khi đến hạn thanh toán theo Hợp đồng mua bán mà bên mua hàng không thanh toán tiền, thanh toán không đầy đủ (trường hợp hợp đồng mua bán có quy định nhiều đợt thanh toán thì VIETBANK có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) căn cứ theo từng đợt thanh toán, nếu bên mua hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán một đợt thì cũng được xem là vi phạm toàn bộ); hoặc
 - Phát hiện khoản phải thu thuộc các trường hợp không được bao thanh toán theo quy định của VIETBANK và pháp luật, hoặc
 - Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng này.
- b. Đồng thời với việc truy đòi đối với Bên được cấp tín dụng, VIETBANK có quyền yêu cầu Bên bảo đảm của Bên được cấp tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm;

4. PHÁT HÀNH L/C.

4.1. Mở L/C

- a. Khi yêu cầu VIETBANK mở tín dụng thư (L/C) Bên được cấp tín dụng phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và của VIETBANK. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng VIETBANK có quyền không mở L/C;

- b. Theo yêu cầu của Bên được cấp tín dụng, VIETBANK phát hành L/C theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng đến người thụ hưởng thông qua ngân hàng thông báo (ngân hàng của người thụ hưởng).

4.2. Mở và sử dụng tài khoản

- a. Bên được cấp tín dụng phải mở tài khoản giao dịch tại VIETBANK để thanh toán cho VIETBANK khi VIETBANK thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến L/C.
- b. Khi Bên được cấp tín dụng nộp tiền thanh toán L/C vào tài khoản của Bên được cấp tín dụng tại VIETBANK, Bên được cấp tín dụng được hưởng tiền lãi trên số tiền nộp vào với mức lãi suất áp dụng do VIETBANK quyết định. Tài khoản này sẽ bị tạm khóa cho đến khi Bên được cấp tín dụng thanh toán đủ các khoản nợ liên quan đến L/C cho VIETBANK;
- c. VIETBANK được quyền chủ động trích tiền từ tài khoản Bên được cấp tín dụng mở tại VIETBANK để thanh toán cho việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả của Bên được cấp tín dụng số tiền mà VIETBANK đã thanh toán cho Nhà cung cấp/Người thụ hưởng thay cho Bên được cấp tín dụng theo quy định tại Hợp đồng này, các Thỏa Thuận Tín Dụng, kể cả các khoản: phí, tiền lãi và các chi phí khác có liên quan khi VIETBANK thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến L/C.

4.3. Thanh toán

- a. Bên được cấp tín dụng cam kết chậm nhất trong thời hạn 03 ngày hoặc một thời gian khác do VIETBANK quyết định trước ngày đến hạn thanh toán L/C phải nộp đủ số tiền quy định tại Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng vào tài khoản giao dịch của Bên được cấp tín dụng mở tại VIETBANK để VIETBANK chuyển trả cho Người thụ hưởng.
- b. Trong thời hạn 07 ngày hoặc một thời gian khác do VIETBANK quyết định trước ngày đến hạn thanh toán L/C, VIETBANK có quyền yêu cầu Bên được cấp tín dụng tạm ngưng mọi khoản chi khác để tập trung mọi nguồn thu vào tài khoản tiền gửi để đảm bảo đủ số tiền thanh toán;
- c. Bên được cấp tín dụng trả các khoản phí khác liên quan đến nghiệp vụ L/C ngay sau khi VIETBANK thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến L/C. Trường hợp số tiền trong tài khoản không đủ để thanh toán cho các chi phí này, Bên được cấp tín dụng phải bổ sung đủ tiền vào tài khoản để thanh toán;
- d. Nếu Bên được cấp tín dụng không chuyển tiền (toàn bộ hay một phần) cho VIETBANK theo quy định tại Hợp đồng này, các Thỏa Thuận Tín Dụng thì VIETBANK vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với Người thụ hưởng và được quyền tự động ghi nợ, chuyển nợ quá hạn đối với Bên được cấp tín dụng kể từ ngày thanh toán. Các vấn đề về lãi suất, thời hạn và các vấn đề khác có liên quan đến nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng do VIETBANK quyết định.
- e. Quá 07 (bảy) ngày kể từ thời hạn chuyển nợ quá hạn, VIETBANK có quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng và/hoặc của Bên bảo đảm nhằm thu hồi đủ các khoản tiền nợ của Bên được cấp tín dụng.

5. CHIẾT KHẤU.

5.1. Điều kiện chiết khấu.

- a. Khi có nhu cầu chiết khấu Bên được cấp tín dụng gửi cho VIETBANK Phiếu đề xuất chiết khấu (hoặc văn bản tương tự theo mẫu của VIETBANK), đồng thời cung cấp cho VIETBANK các tài liệu cần thiết cho mỗi lần chiết khấu theo yêu cầu của VIETBANK.
- b. VIETBANK chỉ thực hiện chiết khấu khi Bên được cấp tín dụng đã thỏa tất cả các điều kiện để được chiết khấu theo quy định VIETBANK tại thời điểm đề nghị. Việc chiết khấu của VIETBANK theo đề nghị chiết khấu của Bên được cấp tín dụng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa các bên.

- c. Bên được cấp tín dụng phải bảo đảm công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác được chiết khấu đủ điều kiện chiết khấu theo quy định của Hợp đồng này, quy định của VIETBANK và quy định của pháp luật. Đồng thời, Bên được cấp tín dụng phải chứng minh khả năng tài chính đảm bảo mua lại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được VIETBANK chiết khấu.

5.2. Thời hạn chiết khấu.

- a. Được quy định cụ thể trong từng Phiếu đề xuất chiết khấu. Mỗi Phiếu đề xuất chiết khấu có thể có thời hạn chiết khấu khác nhau, VIETBANK có thể quy định thời hạn chiết khấu tối đa cho từng lần chiết khấu.
- b. Thời hạn chiết khấu ghi trên Phiếu đề xuất chiết khấu cũng chính là thời hạn trả nợ chiết khấu của Bên được cấp tín dụng.

5.3. Hình thức chiết khấu, truy đòi số tiền chiết khấu.

- a. Hình thức chiết khấu: Chiếu khấu có truy đòi.
- b. Truy đòi số tiền chiếu khấu.
 - i. Hết thời hạn chiết khấu mà VIETBANK chưa nhận được đầy đủ số tiền thanh toán từ Người bị ký phát theo quy định, Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm hoàn trả ngay cho VIETBANK nợ chiết khấu (bao gồm số tiền chiết khấu, lãi và các chi phí phát sinh). Quá thời hạn nêu trên mà VIETBANK không nhận được tiền báo có, VIETBANK có quyền áp dụng mọi biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Thỏa Thuận Tín Dụng và phù hợp quy định pháp luật để thu hồi số tiền đã chiết khấu, lãi và các chi phí phát sinh (nếu có).
 - ii. Bên được cấp tín dụng đồng ý và VIETBANK có quyền thực hiện các biện pháp truy đòi như sau:
 - Trích tiền từ các tài khoản của khách hàng tại Vietbank;
 - Đề nghị các tổ chức tín dụng khác nơi khách hàng có tài khoản trích tiền tài khoản của khách hàng để thu hồi nợ.

Trường hợp số dư tài khoản không đủ để thu hồi nợ, VIETBANK sẽ thực hiện các biện pháp thu hồi nợ theo quy định hiện hành.

5.4. Thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn.

Ngoài các trường hợp quy định tại Mục 1 – Phần A Phụ lục này:

- a. VIETBANK toàn quyền quyết định thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:
 - i. Tình hình thanh toán của nhà nhập khẩu diễn biến xấu (theo nhận định của VIETBANK) có ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ chiết khấu của VIETBANK.
 - ii. Các trường hợp khác được quy định tại Hợp đồng này.
- b. VIETBANK chuyển nợ quá hạn trong các trường hợp sau:
 - i. Hết thời hạn chiết khấu, nếu VIETBANK chưa nhận được tiền báo có, VIETBANK sẽ chuyển nợ quá hạn theo quy định của VIETBANK; hoặc
 - ii. Sau khi nhận được thông báo thu nợ trước hạn của VIETBANK mà Bên được cấp tín dụng không thanh toán đầy đủ nợ chiết khấu (bao gồm số tiền chiết khấu, lãi và chi phí phát sinh), VIETBANK sẽ chuyển nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.
 - iii. Các trường hợp khác được quy định tại Hợp đồng này.

5.5. Điều kiện công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác được nhận chiết khấu

- a. Công cụ chuyển nhượng được VIETBANK chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:

- i. Được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước phát hành hoặc tập quán thương mại quốc tế phù hợp với pháp luật Việt Nam;
 - ii. Thuộc quyền thụ hưởng hợp pháp của Bên được cấp tín dụng, không có tranh chấp, không sử dụng để cầm cố, bảo đảm cho nghĩa vụ khác;
 - iii. Trên công cụ chuyển nhượng không ghi cụm từ “Không được chuyển nhượng”, “Cấm chuyển nhượng”, “Không trả theo lệnh” hoặc cụm từ có ý nghĩa tương tự;
 - iv. Chưa đến hạn thanh toán;
 - v. Còn nguyên vẹn, không tẩy xóa, sửa chữa.
- b. Giấy tờ có giá khác được VIETBANK chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau:
- i. Được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - ii. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên được cấp tín dụng; không có tranh chấp, không sử dụng để cầm cố, bảo đảm cho nghĩa vụ khác;
 - iii. Được phép giao dịch (mua, bán, tặng, cho, chuyển đổi, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp và các giao dịch hợp pháp khác) theo quy định của pháp luật;
 - iv. Chưa đến hạn thanh toán;
 - v. Còn nguyên vẹn, không tẩy xóa, sửa chữa.